

Bản án số: 34/2024/DS-ST
Ngày 28/8/2024
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Thám;
- Bà Nguyễn Thị Hồng Oanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 56/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST-DS ngày 30/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Văn M, sinh năm 1952; nơi thường trú: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1949; nơi thường trú: Tổ F, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đặng Văn M trình bày: Vào ngày 02/6/2012 tôi cho bà Trần Thị H vay 69.000.000đ. Hai bên lập giấy mượn tiền và bà H ký bên mượn tiền. Theo Giấy mượn tiền không ghi nội dung thỏa thuận trả lãi, nhưng thực tế thì bà H có trả cho tôi mỗi tháng 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng tiền lãi, bà H trả được năm tháng thì không trả nữa. Chúng tôi không thỏa thuận thời hạn trả nợ, sau thời gian dài bà H vẫn không trả cả gốc và lãi, tôi nhiều lần đến đòi thì chồng bà H la mắng còn bà H liên tục hẹn nợ nhưng vẫn không trả. Thời điểm gần nhất là cách đây khoảng 03 năm tôi đến đòi tiền thì chồng bà H la chửi đòi đánh tôi, từ đó đến nay tôi không đòi nữa. Vì điều kiện bà H hiện nay khó khăn nên tôi đồng ý chỉ yêu cầu bà H trả cho tôi 50.000.000đ.

Lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị H trình bày: Từ trước năm 2012 tôi nhiều lần vay tiền của ông M, đến ngày 02/6/2012 tính tổng

cộng cả gốc và lãi tôi còn nợ ông M 69.000.000đ. Ông M ghi và yêu cầu tôi đã ký vào “Giấy mượn tiền” có nội dung tôi mượn của ông M 69.000.000đ, thực chất số tiền này bao gồm nợ gốc 20.000.000đ, còn lại là nợ lãi. Từ sau khi ký giấy thì tôi vẫn trả tiền lãi cho ông M, mỗi tháng từ 300.000đ đến 700.000đ, cho đến cách đây khoảng 02 năm thì tôi không có khả năng trả nữa. Sau đó ông M cũng nhiều lần đến đòi tiền nhưng điều kiện kinh tế của tôi gặp nhiều khó khăn nên tôi vẫn chưa trả cho ông M. Đối với yêu cầu của ông M thì tôi chỉ đồng ý trả cho ông M 20.000.000đ, đến năm 2025 mỗi tháng trả 500.000đ cho đến khi hết số tiền còn nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Đặng Văn M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Trần Thị H, nơi thường trú: Tổ F, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai phải trả tiền còn nợ từ hợp đồng vay. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Theo nội dung “Giấy mượn tiền” và lời trình bày của các bên xác định đây là hợp đồng vay không có thời hạn và có lãi. Nguyên đơn đã nhiều lần đòi nhưng bị đơn không trả nên nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 466, khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về số tiền còn nợ và trách nhiệm trả nợ: Bị đơn cho rằng số tiền ghi trong “Giấy mượn tiền” 69.000.000đ là bao gồm nợ gốc 20.000.000đ và nợ lãi 49.000.000đ. Lời trình bày của bị đơn không được nguyên đơn thừa nhận và bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh. Do vậy cần xác định số tiền gốc bị đơn còn nợ và có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là 69.000.000đ. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc chỉ yêu cầu bị đơn trả 50.000.000đ.

[4] Về thời hạn trả và phương thức trả: Bị đơn yêu cầu được trả dần mỗi tháng 500.000đ. Yêu cầu của bị đơn không được nguyên đơn chấp nhận do vậy cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn một lần số tiền 50.000.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là $50.000.000đ \times 5\% = 2.500.000đ$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Trần Thị H phải trả cho nguyên đơn ông Đặng Văn M số tiền còn nợ từ hợp đồng vay là 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Buộc bị đơn bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000đ (*hai triệu, năm trăm nghìn đồng*).

Ông Đặng Văn M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông M tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.725.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013124 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 28/8/2024.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX An Khê;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích Thảo